

Cần Thơ, ngày tháng năm 2018

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DHNCT ngày tháng năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình: Chương trình đào tạo luật kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học hệ Chính quy

Ngành đào tạo: + **Tiếng Việt:** Luật kinh tế

+ **Tiếng Anh:** Economic Law

Mã số: 7380107

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nam Cần Thơ

Khoa phụ trách: Khoa Luật

Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp:

+ **Tiếng Việt:** Cử nhân Luật Kinh tế

+ **Tiếng Anh:** The Degree of Bachelor in Economic Law

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy chuyên ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng và tổ chức thực hiện nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế và thực tiễn pháp lý, đồng thời bổ sung những nhận thức, sự hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến đời sống pháp lý. Nội dung chương trình bước đầu gắn với định hướng thực hành ứng dụng, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phân biện và thực hành chuyên môn ngành Luật Kinh tế. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế có phẩm

chất chính trị, đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn vững vàng đáp ứng yêu cầu năng động, sáng tạo trong tiến trình hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trang bị cho sinh viên các kiến thức sau đây:

- Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội như: Logic học, Tâm lý học, Triết học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phương pháp học Luật và nghề luật và một số môn học khác làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Kiến thức pháp luật và thực tiễn pháp lý cơ bản thuộc khối ngành và nhóm ngành như: kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản như: luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hôn nhân và gia đình, pháp luật quốc tế đủ cho phép sinh viên có khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội;

- Kiến thức pháp luật và thực tiễn pháp lý chuyên ngành như: Hợp đồng trong thương mại, Luật đầu tư, Luật tài chính, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật ngân hàng, Luật kinh doanh bất động sản, Luật thương mại quốc tế, Pháp luật kinh doanh xuất nhập khẩu; Luật lao động; Pháp luật an sinh xã hội.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin và kiến thức ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công việc; Kiến thức về khởi nghiệp; Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

2.2.2. Về kỹ năng

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sau đây:

2.2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế;

- Kỹ năng vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn;

- Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế;

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; kỹ năng phản biện, phê phán;

- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng truyền tải, phổ biến kiến thức và kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp;

- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Kỹ năng tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản, nâng cao đủ để đáp ứng được yêu cầu của công việc.

2.2.3. Về thái độ

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

2.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ có thể làm việc được ở các vị trí như sau:

- Làm việc tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án; thực hiện các công việc mang tính pháp lý theo chức năng tại các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

- Làm việc tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài, tổ chức thừa phát lại, các trung tâm đấu giá tài sản; thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (như đàm

phán và soạn thảo hợp đồng trong các lĩnh vực, thẩm định giá, xử lý nợ; thành lập, giải thể các chi nhánh...).

- Làm việc trong các tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế.

- Tham gia giảng dạy môn pháp luật đại cương và một số môn học khác (như môn giáo dục công dân) tại các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tham gia nghiên cứu về pháp luật tại các cơ quan thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu...

- Có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ; tham gia học các chương trình đào tạo nghề luật như thẩm phán, luật sư, công chứng viên, thừa phát lại....

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Về kiến thức

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế sinh viên đạt được các kiến thức sau đây:

PO1: Hiểu và bước đầu vận dụng được vào thực tiễn hệ thống những tri thức cơ bản về khoa học chính trị và khoa học xã hội như: những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, về logic học, tâm lý học, phương pháp học luật, nghề luật và một số môn học khác, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận làm nền tảng cho sinh viên tiếp cận và luận giải các vấn đề có liên quan đến ngành học.

PO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lý luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp và một số kiến thức cơ bản về kinh tế học từ đó giúp sinh viên có thể giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành nghề đào tạo.

PO3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc nhóm ngành về luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính; luật hôn nhân và gia đình, luật quốc tế cho phép sinh viên có thể giải quyết được pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

PO4: Hiểu và vận dụng được các kiến thức pháp luật chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh tế như pháp luật về hợp đồng trong thương mại, pháp luật đầu tư, pháp luật về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, pháp luật kinh doanh bất động sản, luật thương mại quốc tế, pháp luật kinh doanh xuất nhập khẩu; pháp luật về lao động và an sinh xã hội.

PO5: Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; có kiến thức về khởi nghiệp, kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn; có kiến

thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động có liên quan đến ngành nghề đào tạo.

3.2. Về kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế sinh viên đạt được các kỹ năng sau đây:

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

PO6: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế;

PO7: Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó.

PO8: Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về kinh tế, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.

2.2.2. Kỹ năng mềm

PO9: Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.

PO10: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp.

PO11: Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

PO12: Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

PO13: Có kỹ năng nghe, nói, đọc và viết Anh văn trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

PO14: Sinh viên có khả năng sử dụng máy tính cơ bản để soạn thảo văn bản với MS Word và xử lý văn bản nâng cao; có khả năng sử dụng bảng tính với MS Excel và sử dụng bảng tính nâng cao; có khả năng thiết kế và trình chiếu với MS Power Point ở mức cơ bản, có khả năng sử dụng Internet cơ bản.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO15: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PO16: Có khả năng hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

PO17: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

PO18: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

PO19: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

3.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Luật Kinh tế có khả năng: Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài; Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học; Đủ điều kiện để học tập, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, công chứng viên, thừa phát lại và các chức danh tư pháp nhà nước khác.

3.5. Có kỹ năng nghiệp vụ về chuyên môn và có kỹ năng mềm về giải quyết công việc & quản lý thời gian.

Sinh viên phải đạt chứng chỉ kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp theo chương trình đào tạo bổ sung từ các khóa học ngoại khóa (có cấp chứng nhận của Trường).

4. Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khoá học: 137 tín chỉ (chưa tính phần nội dung Giáo dục quốc phòng, An ninh và Giáo dục thể chất)

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **28 tín chỉ** (24 tín chỉ bắt buộc và 04 tín chỉ tự chọn);

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **99 tín chỉ** (57 tín chỉ bắt buộc và 42 tín chỉ tự chọn);

- Thực tập và làm khóa luận hoặc học và thi các học phần thay thế thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **10 tín chỉ**.

5. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT quốc gia hoặc tương đương;

- Tuyển sinh trong phạm vi cả nước;

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Theo quy chế về tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nam Cần Thơ

- Đạt chứng chỉ Anh văn trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đạt được trình độ tin học chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, nâng cao hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục Thể chất; Kỹ năng mềm; Kỹ năng nghề nghiệp.

7. Kiểm tra, đánh giá

- Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm:

Điểm chuyên cần có trọng số 20% (tham dự đầy đủ các buổi học, phát biểu tranh luận trong các giờ giảng, chuẩn bị đầy đủ tài liệu); Điểm thường xuyên (kiểm tra cá nhân 01 bài và thực hiện 01 bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn hoặc tiến hành thảo luận nhóm) có trọng số 30%; Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

- Đối với học phần có tiểu luận, thực hành, đồ án, thực tập.

Điểm đánh giá là trung bình cộng của các bài tập, bài thực hành, điểm các lần sửa và thông khóa luận. Học phần thực tập cơ sở được tính theo điểm chuyên cần 20%, đánh giá của cơ sở 50% và đánh giá của giáo viên hướng dẫn 30%.

Học phần thực tế trong thời gian ngắn được đánh giá thông qua báo cáo và được giảng viên hướng dẫn chấm, lấy trọng số 100%.

Không tổ chức thi lại đối với sinh bị đánh giá hỏng các học phần thực hành, thực tập, khóa luận, tiểu luận, thực tế. Sinh viên bị đánh giá hỏng (đối với học phần có tiểu luận, thực hành, thực tập, thực tế) phải đăng ký học lại học phần đó (hoặc học phần thay thế) với các lớp học phần được mở ra sau đó.

8. Nội dung chương trình

| TT | Mã HP | Tên học phần xếp theo khối kiến thức | Tổng số tín chỉ | Ghi chú |
|-----------|--------------|---|------------------------|----------------|
| | | 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương | 28 | |

| | | | | |
|---|--|--|-----------|---|
| Học phần bắt buộc | | | 24 | |
| 1 | | Triết học Mác - Lê Nin | 2 | |
| 2 | | Kinh tế chính trị | 2 | |
| 3 | | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 1 | |
| 4 | | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | |
| 5 | | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam | 3 | |
| 6 | | Xã hội học pháp luật | 3 | |
| 7 | | Anh văn căn bản 1 | 3 | |
| 8 | | Anh văn căn bản 2 | 3 | |
| 9 | | Tin học căn bản | 3 | |
| 10 | | Giáo dục thể chất 1 | 1 | * |
| 11 | | Giáo dục thể chất 2 | 1 | * |
| 12 | | Giáo dục thể chất 3 | 1 | * |
| 13 | | Giáo dục Quốc phòng an ninh | 8 | * |
| 14 | | Nghề luật và phương pháp học luật | 2 | |
| Học phần tự chọn (chọn 4 trong tổng số 12 tín chỉ) | | | 4 | |
| 1 | | Quản trị học | 2 | |
| 2 | | Tài chính doanh nghiệp | 2 | |
| 3 | | Nguyên lý kế toán | 2 | |
| 4 | | Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh | 2 | |
| 5 | | Tâm lý học đại cương | 2 | |
| 6 | | Logic học đại cương | 2 | |
| 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 tín chỉ (gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (*) và kiến thức ngành; kiến thức chuyên ngành và các môn kỹ năng) | | | 99 | |
| 7.2.1. Học phần bắt buộc: 57 TC | | | 57 | |
| 1 | | Kinh tế vĩ mô* | 2 | |
| 2 | | Kinh tế vi mô* | 2 | |

| | | | | |
|---|--|----------------------------------|-----------|--|
| 3 | | Lý luận nhà nước và pháp luật 1* | 2 | |
| 4 | | Lý luận nhà nước và pháp luật 2* | 3 | |
| 5 | | Luật hiến pháp * | 3 | |
| 6 | | Luật hành chính | 3 | |
| 7 | | Luật dân sự 1 | 3 | |
| 8 | | Luật dân sự 2 | 3 | |
| 9 | | Luật tố tụng dân sự | 3 | |
| 10 | | Luật thương mại 1 | 3 | |
| 11 | | Luật thương mại 2 | 3 | |
| 12 | | Luật lao động 1 | 3 | |
| 13 | | Luật lao động 2 | 2 | |
| 14 | | Luật tài chính | 3 | |
| 15 | | Luật ngân hàng | 3 | |
| 16 | | Luật đất đai | 3 | |
| 17 | | Luật môi trường | 3 | |
| 18 | | Luật cạnh tranh | 3 | |
| 19 | | Pháp luật an sinh xã hội | 3 | |
| 20 | | Luật sở hữu trí tuệ | 2 | |
| 21 | | Luật tố tụng hành chính | 2 | |
| 7.2.2. Học phần tự chọn: 42 TC (gồm các môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành và ngành, chuyên ngành và kỹ năng) | | | 42 | |
| 7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành (*) và kiến thức ngành: chọn 12 tín chỉ | | | | |
| 1 | | Luật học so sánh* | 2 | |
| 2 | | Xây dựng văn bản pháp luật* | 2 | |
| 3 | | Công pháp quốc tế | 2 | |
| 4 | | Tư pháp quốc tế | 2 | |
| 5 | | Luật hình sự 1 | 2 | |
| 6 | | Luật hình sự 2 | 2 | |

| | | | | |
|--|--|---|-----------|--|
| 7 | | Luật hôn nhân và gia đình | 2 | |
| 8 | | Pháp luật cộng đồng ASEAN | 2 | |
| 7.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành và các môn kỹ năng: chọn 30 tín chỉ | | | 30 | |
| 1 | | Pháp luật về giao dịch bảo đảm | 2 | |
| 2 | | Luật kinh doanh bất động sản | 2 | |
| 3 | | Luật thương mại quốc tế | 2 | |
| 4 | | Luật đầu tư | 2 | |
| 5 | | Hợp đồng trong hoạt động thương mại | 2 | |
| 6 | | Luật chứng khoán | 2 | |
| 7 | | Pháp luật về thu hồi đất | 2 | |
| 8 | | Pháp luật về thương mại điện tử | 2 | |
| 9 | | Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 2 | |
| 10 | | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại | 2 | |
| 11 | | Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại | 2 | |
| 12 | | Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế | 2 | |
| 13 | | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động | 2 | |
| 10 | | Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh | 2 | |
| 14 | | Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường | 2 | |
| 15 | | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai | 2 | |
| 16 | | Kỹ năng tư vấn pháp luật về doanh nghiệp | 2 | |
| 17 | | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng | 2 | |
| 7.2.4. Thực tập, viết khóa luận, học môn thay thế khóa luận | | | 10 | |
| 1 | | Thực tập cuối khóa (Luật kinh tế – ĐH) | 4 | |
| 2 | | Khóa luận tốt nghiệp (LKT-ĐH) | 6 | |

| | | | | |
|------------------|--|---|------------|--|
| 3 | | Sinh viên không được làm khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng làm Khóa luận tốt nghiệp: Đăng ký học và thi các môn sau đây: | | |
| | | Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 2 | |
| | | Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử | 2 | |
| | | Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại | 2 | |
| Tổng cộng | | | 137 | |

Ghi chú: (*) Số tín chỉ không tính vào chương trình

9. Mã trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo.

| S T T | Học phần | Yêu cầu | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | Phẩm chất | | | | |
|-------------|--|---------|-----------|----|----|----|----|---------|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|---------------------------|-----|-----|-----|-----------|-----|--|---|---|
| | | | P1 | P2 | P3 | P4 | P5 | P6 | P7 | P8 | P9 | P10 | P11 | P12 | P13 | P14 | P15 | P16 | P17 | P18 | | P19 | | | |
| 1 | Triết học Mác Lê Nin | | x | | | | | | | | x | | | | | | x | | | | x | | | | x |
| 2 | Kinh tế chính trị | | x | | | | | | | | x | | | | | | x | | | | | | | | x |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | | x | | | | | | | | x | | | | | | x | | | | | | | | x |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | | x | | | | | | | | x | | | | | | x | | | | | | | | x |
| 5 | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam | | x | | | | | | | | x | | | | | | x | | | | | | | | x |
| 6 | Xã hội học pháp luật | | x | | | | | | | | x | | x | x | | | x | x | | | | | | x | x |
| 7 | Anh văn căn bản 1 | | | | | | x | | | | | | | | | | | | | | | | | x | x |

| S T T | Yê u cầ u H o c p h ầ n | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | Phẩm chất |
|-------------|---|-----------|-----|-----|-----|-----|---------|-----|-----|-----|------|------|------|------|------|---------------------------|------|------|------|-----------|
| | | P 1 | P 2 | P 3 | P 4 | P 5 | P 6 | P 7 | P 8 | P 9 | P 10 | P 11 | P 12 | P 13 | P 14 | P 15 | P 16 | P 17 | P 18 | P19 |
| 8 | Anh văn căn bản 2 | | | | | X | | | | | | | X | | | | | X | X | |
| 9 | Tin học căn bản | | | | | X | | | | | | | | X | | | | X | X | |
| 10 | Nghề luật và phương pháp học luật | X | | | | X | | | X | | X | X | | | X | | | X | X | |
| 11 | Quản trị học | X | | | | X | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 12 | Tài chính doanh nghiệp | X | | | | X | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 13 | Nguyên lý kế toán | X | | | | | | | | | | X | | | X | | | X | X | |
| 14 | Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh | X | | | | X | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 15 | Tâm lý học đại cương | X | | | | | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 16 | Logic học đại cương | X | | | | | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 17 | Kinh tế vĩ mô | | X | | | | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 18 | Kinh tế vi mô | | X | | | | | | X | | | X | | | X | | | X | X | |
| 19 | Lý luận nhà nước và pháp luật 1 | | X | | | X | | | X | | X | X | | | X | | X | X | X | |
| 20 | Lý luận nhà nước và pháp luật 2 | | X | | | X | | | X | | X | X | | | X | | X | X | X | |
| 21 | Luật hiến pháp | | X | | | X | X | | X | | X | X | | | X | | X | X | X | |
| 22 | Luật hành chính | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 23 | Luật dân sự 1 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 24 | Luật dân sự 2 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 25 | Luật tổ tụng dân sự | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 26 | Luật thương mại 1 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 27 | Luật thương mại 2 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 28 | Luật lao động 1 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 29 | Luật lao động 2 | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| 30 | Luật tài | | | X | | X | X | X | X | | X | X | | | X | X | X | X | X | |

| S T T | Yêu cầu Học phần | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | Phẩm chất |
|-------------|--|-----------|--------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------------------------|---------|---------|-----|--------------|
| | | P 1 | P 2 | P 3 | P 4 | P 5 | P 6 | P 7 | P 8 | P 9 | P 10 | P 11 | P 12 | P 13 | P 14 | P 15 | P 16 | P 17 | P 18 | P19 | |
| 0 | chính | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 1 | Luật ngân hàng | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 2 | Luật đất đai | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 3 | Luật môi trường | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 4 | Luật cạnh tranh | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 5 | Pháp luật an sinh xã hội | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 6 | Luật sở hữu trí tuệ | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 7 | Luật tổ tụng hành chính | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 8 | Luật kinh doanh bất động sản | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 3 9 | Luật thương mại quốc tế | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 0 | Luật đầu tư | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 1 | Hợp đồng trong hoạt động thương mại | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 2 | Luật học so sánh | | x | | | | x | x | | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 3 | Xây dựng văn bản pháp luật | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 4 | Công pháp quốc tế | | | x | | | x | x | | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 5 | Tư pháp quốc tế | | | x | | | x | x | | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 6 | Luật hình sự 1 | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 7 | Luật hình sự 2 | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 8 | Luật hôn nhân và gia đình | | | x | | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 4 9 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | | | x | | | x | | | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 5 0 | Pháp luật về giao dịch bảo đảm | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 5 1 | Luật chứng khoán | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |
| 5 2 | Pháp luật về thu hồi đất | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | |

| S T T | Yêu cầu Học phần | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | Phẩm chất |
|-------------|---|-----------|--------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------------------------|---------|---------|-----|--------------|
| | | P 1 | P 2 | P 3 | P 4 | P 5 | P 6 | P 7 | P 8 | P 9 | P 10 | P 11 | P 12 | P 13 | P 14 | P 15 | P 16 | P 17 | P 18 | P19 | |
| 53 | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 54 | Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 55 | Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 56 | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 57 | Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 58 | Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 59 | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 60 | Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 61 | Kỹ năng tư vấn pháp luật về doanh nghiệp | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 62 | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 63 | Pháp luật về thương mại điện tử | | | | X | | X | X | X | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |
| 64 | Thực tập cuối khóa (Luật kinh | | | | X | | X | X | | X | X | X | | | | X | X | X | X | X | |

| S T T | Yêu cầu Học phần | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | Phẩm chất | | |
|-------------|--|-----------|--------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------------------------|---------|---------|---------|--------------|---|---|
| | | P 1 | P 2 | P 3 | P 4 | P 5 | P 6 | P 7 | P 8 | P 9 | P 10 | P 11 | P 12 | P 13 | P 14 | P 15 | P 16 | P 17 | P 18 | P19 | | |
| | tê – ĐH) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 5 | Khóa luận tốt nghiệp (LKT-ĐH) | | | | x | | x | x | | x | x | | | | | | x | | x | x | x | |
| 6 6 | Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | | | | x | | x | x | | x | | | x | x | | | | x | x | x | x | x |
| 6 7 | Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | | | x | x | x | x | x |
| 6 8 | Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại | | | | x | | x | x | x | x | | | | | | | | x | x | x | x | x |

10. Mô tả tóm tắt các học phần

Triết học Mác Lê Nin – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh – 02 tín chỉ

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực lịch sử tư tưởng, cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thấm nhuần thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua việc trình bày: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi, điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và những giá trị, ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới

đất nước ở giai đoạn hiện nay.

Anh văn căn bản 1 – 03 tín chỉ

Môn Anh văn học phần 1 là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Luật học và Luật Kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói - đọc – viết ở trình độ tiền trung cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường.

Anh văn căn bản 2 – 03 tín chỉ

Môn học tiếng Anh học phần 2 là môn học tiếp nối của môn Tiếng Anh học phần 1, được xây dựng dành cho sinh viên hệ chính qui ngành Luật và Luật Kinh tế. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng làm bài thi tiếng Anh theo bốn kỹ năng nghe – nói - đọc - viết.

Giáo dục thể chất 1, 2& 3 – 03 tín chỉ

Nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về giáo dục thể dục thể thao: Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục, thể thao Việt Nam; Phong trào Olympic; Giáo dục thể chất trong trường đại học; Một số khái niệm cơ bản liên quan trong lĩnh vực thể dục, thể thao; Chấn thương trong thể thao và các bệnh thường gặp trong tập luyện thể dục, thể thao; Khái quát chung về kỹ thuật và luật một số môn Thể thao. Thực hành kỹ thuật một số môn thể thao.

Kinh tế chính trị - 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Chủ nghĩa xã hội khoa học – 01 tín chỉ

Môn học có 10 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tư tưởng Hồ Chí Minh - 02 tín chỉ; Môn học trước: Triết học Mác - Lê Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Nghề Luật và phương pháp học luật – 02 tín chỉ

Học phần Nghề luật và phương pháp học luật được giảng dạy trong năm thứ nhất nhằm giới thiệu cho sinh viên đại học hệ chính quy về tổng quan phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập theo hệ thống tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên một số phương pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả tại Trường Đại học Luật Hà Nội (phương pháp tìm kiếm thông tin, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp viết bài luận, phương pháp thi kiểm tra, ...), giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập. Bên cạnh các phương pháp học tập, sinh viên cũng được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm nhận. Cuối cùng, học phần bước đầu trang bị cho sinh viên các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ.

Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam - 03 tín chỉ; Môn học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh – 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, và xây dựng đạo đức kinh doanh) và văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hoá doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và văn hoá trong các hoạt động kinh doanh).

Tin học căn bản – 03 tín chỉ

Nội dung chính của môn Tin học căn bản nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng.

- Nắm vững các khái niệm cơ bản trong tin học.
- Kỹ năng sử dụng: Hệ điều hành Windows, Microsoft Word, Microsoft Excel .
- Biết sử dụng Internet , phòng chống và diệt Virút tin học

Nguyên lý kế toán - 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về kế toán, vai trò và chức năng của kế toán trong nền kinh tế, tầm quan trọng của việc tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc kế toán chung. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng, về mặt phương pháp luận trong việc thực hành kế toán từ việc xử lý chứng từ tới việc ghi chép chứng và lập các báo cáo kế toán (ở mức độ đơn giản). Đồng thời cũng giúp người học có cách xử lý các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp từ khâu cung cấp, sản xuất tới tiêu thụ. Bằng việc nhận thức được tầm quan trọng của kế toán trong doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung người học có thể vận dụng kiến thức vào việc thực hành công tác kế toán và nắm được bản chất của công tác này.

Kinh tế vi mô - 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở có tính chất nền tảng trong việc hình thành tư duy kinh tế. Là một bộ phận của kinh tế học, Kinh tế vi mô xuất phát từ sự khan hiếm của các nguồn lực mà xem xét thị trường, giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản: sản xuất ra cái gì? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? Kinh tế vi mô tập trung xem xét hành vi cá nhân - người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp trong từng hình thái thị trường và đặc điểm của hành vi doanh nghiệp và của ngành trên thị trường đó luôn được nhận mạnh. Tuy nhiên, thị trường có những khuyết tật của nó, vì vậy kinh tế vi mô bước đầu cũng đề cập tới vai trò của chính phủ trong nền kinh tế hỗn hợp.

Tài chính doanh nghiệp - 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý của các doanh nghiệp, đặc biệt trình độ quản lý tài chính khi nền kinh tế chuyển sang nền kinh tế thị trường; đòi hỏi các doanh nghiệp phải từng bước thích ứng được những đòi hỏi với các nhân tố mới cả ở vĩ mô và vi mô. Những kiến thức về quản lý tài chính trong doanh nghiệp là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên các trường đại học kinh tế cũng như các ngành có liên quan đến kinh tế, trong đó có ngành luật kinh doanh. Học phần tài chính doanh nghiệp bao gồm cả nội dung: tổng quan tài chính doanh nghiệp (TCDN); thời giá của tiền tệ; định giá cổ phiếu trái phiếu; phân tích và hoạch định tài chính; cơ cấu vốn; quyết định đầu tư; quản lý vốn lưu động.

Xã hội học pháp luật – 03 tín chỉ

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là môn học thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp

điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay.

Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật chắc chắn sẽ mang lại cho sinh viên luật nhiều điều lý thú, bổ ích, phục vụ thiết thực, trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

Logic học đại cương - 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; luật bài trung, Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những pháp tư duy đúng đắn để có thể phản ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đúng im tương đối của đối tượng (mặt hình thức của nó) mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là học phần phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.

Quản trị học - 03 tín chỉ

Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần quản trị học bao gồm: Vai trò của quản trị trong nền kinh tế hiện đại; sự phát triển của lý thuyết quản trị; các chức năng quản trị, các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); truyền đạt thông tin trong quản trị; quá trình ra quyết định quản trị; quản trị rủi ro.

Tâm lý học đại cương - 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, quy luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các

yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.

Kinh tế vĩ mô – 02 tín chỉ

Kinh tế học vĩ mô là phân ngành của kinh tế học dựa trên lý thuyết kinh tế hiện đại có tính ứng dụng cao đã được giảng dạy phổ biến ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển trong hơn nửa thế kỷ qua. Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước như tổng cung, tổng cầu, các yếu tố cầu thành tổng cầu, mối quan hệ giữa tổng cung - tổng cầu và sự tác động điều tiết của Nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô như tạo công ăn việc làm; giảm lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng; giữ ổn định giá trị đồng tiền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phân phối công bằng thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập, chính sách kinh tế đối ngoại) đồng thời phân tích các công cụ và cơ chế tác động của các chính sách đó trong nền kinh tế thị trường.

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1 – 02 tín chỉ

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là môn học cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật.

Lý luận chung nhà nước và pháp luật 2 – 03 tín chỉ

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là môn học cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật quy phạm pháp luật; Nội dung chủ yếu của môn học này gồm hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật.

Luật Hiến pháp - 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hiến pháp - luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay; Về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ kinh tế, căn hóa, xã hội; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp đang hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới.

Luật hành chính - 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngành Luật hành chính; quản lý nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp

kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán), đối với hoạt động quản lý nhà nước; giải quyết tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước. Những kiến thức này là cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả, hiệu lực và bảo hộ tích cực các quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật tổ tụng hành chính, Xây dựng văn bản pháp luật, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật lao động, Luật môi trường và Luật hôn nhân và gia đình.

Luật dân sự 1 – 03 tín chỉ

Luật dân sự 1 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu các chế định tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, chế định thừa kế

Luật dân sự 2 - 03 tín chỉ; Môn học trước: Luật dân sự 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý nền tảng về luật nghĩa vụ - một trong những lĩnh vực đặc trưng và quan trọng nhất của luật tư. Nội dung của học phần gồm các lý thuyết chung về nghĩa vụ, lý thuyết về luật hợp đồng, lý thuyết về luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, và lý thuyết về các căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ khác.

Luật hình sự 1 - 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần chung của Luật hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự; lịch sử luật hình sự Việt Nam; đạo luật hình sự; khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm, lý luận về cấu thành tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm; các giai đoạn phạm tội; đồng phạm; các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự và hình phạt; quyết định hình phạt; miễn, giảm hình phạt và xóa án tích; trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Luật hình sự 2 - 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật hình sự 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật

tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

Luật thương mại 1 – 03 tín chỉ

Luật thương mại là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Bên cạnh đó, Luật thương mại còn cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án.

Luật thương mại 2 – 03 tín chỉ

Luật thương mại 2 là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại như: Mua bán hàng hóa, xúc tiến thương mại, các hoạt động trung gian thương mại như đại lý, đại diện cho thương nhân, ủy thác mua bán hàng hóa.

Hợp đồng trong hoạt động thương mại – 02 tín chỉ

Bên cạnh những nội dung cơ bản về hoạt động thương mại được cung cấp trong môn học bắt buộc là luật thương mại, môn học hợp đồng trong hoạt động thương mại cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản về các loại hợp đồng thương mại trên phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng, gồm có: Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sơ giao dịch, hợp đồng mua bán doanh nghiệp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng thành lập công ti, hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Luật hôn nhân và gia đình – 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân là chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền và nghĩa vụ của các cá nhân về nhân thân và tài sản trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt là trẻ em.

Luật lao động 1 – 03 tín chỉ

Luật lao động 1 là môn học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể.

Luật lao động 2 – 02 tín chỉ

Luật lao động 2 là môn học nghiên cứu các nội dung về kỹ luật lao động và trách nhiệm vật chất, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, về chế độ tiền lương; giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

Luật tố tụng dân sự - 03 tín chỉ

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Tòa án.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án.

Luật đất đai – 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hạn mức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất; pháp luật về giá đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; địa vị pháp lý của người sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Công pháp quốc tế - 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên ngành luật những kiến thức về các nguyên tắc cơ bản và các quy phạm pháp luật quốc tế, được xây dựng dựa trên sự nhất trí và tự nguyện của các quốc gia-chủ thể cơ bản của luật quốc tế. Học phần này có thể chia ra làm hai phần: phần chung và phần riêng. Phần chung giới thiệu những lý thuyết cơ bản của công pháp quốc tế như: các nguyên tắc cơ bản; các học thuyết của các học giả; chủ thể của luật quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; và sự ảnh hưởng của luật quốc tế đối với pháp luật quốc gia. Phần riêng đề cập đến những vấn đề cụ thể trong quan hệ quốc tế giữa các quốc gia như: luật biển quốc tế; luật nhân đạo quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; và luật hình sự quốc tế.

Tư pháp quốc tế - 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù

trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

Luật đầu tư – 03 tín chỉ

Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm: Hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Luật tài chính – 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học có kiến thức về xác lập nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính và quản lý nguồn tài chính của Nhà nước. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về lý luận chung về tài chính công, ngân sách nhà nước, Luật tài chính công; vai trò của Nhà nước; nội dung phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong quản lý quỹ ngân sách nhà nước, tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ trong quá trình chấp hành dự toán ngân sách nhà nước; về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, quản lý tài chính của các đơn vị sự nghiệp, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm Luật ngân sách nhà nước. Luật tài chính công là môn khoa học pháp lý nghiên cứu lý luận chung về tài chính công và pháp luật tài chính công, nghiên cứu những vấn đề pháp lý cụ thể liên quan đến phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; về tạo lập, phân phối và sử dụng Quỹ ngân sách nhà nước.

Luật chứng khoán – 02 tín chỉ

Luật chứng khoán là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.

Nội dung môn học gồm các vấn đề chính: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán; Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

Luật cạnh tranh – 03 tín chỉ

Luật cạnh tranh là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh

trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: (1) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; (2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; (3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; (5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; (6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (7) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh

Pháp luật về an sinh xã hội – 02 tín chỉ

Pháp luật về an sinh xã hội là môn học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung cho hệ thống chính sách xã hội nhiều cấp độ để tất cả các thành viên trong xã hội đều được tương trợ, giúp đỡ ở mức độ hợp lý khi bị giảm, mất thu nhập hoặc gặp các rủi ro, khó khăn trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, môn học Luật an sinh xã hội còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về an sinh xã hội.

Hợp đồng trong hoạt động thương mại – 02 tín chỉ

Bên cạnh những nội dung cơ bản về hoạt động thương mại được cung cấp trong môn học bắt buộc là luật thương mại, môn học hợp đồng trong hoạt động thương mại cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản về các loại hợp đồng thương mại trên phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng, gồm có: Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sơ giao dịch, hợp đồng mua bán doanh nghiệp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng thành lập công ti, hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Pháp luật Cộng đồng ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN.

Pháp luật cộng đồng ASEAN – 02 tín chỉ

Môn học gồm các vấn đề chính: Khái quát về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN; Luật Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN; Luật Cộng đồng kinh tế ASEAN; Luật Cộng đồng văn hoá - xã hội ASEAN; Các vấn đề pháp lý cơ bản về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN,

tự do hoá dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xoá đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

Luật môi trường – 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về pháp luật môi trường như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các nguyên tắc căn bản, những nội dung chính của một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp liên quan rất nhiều tới tất cả các hoạt động của các chủ thể trong xã hội. Đó là những nội dung về đánh giá tác động môi trường, nguyên lý phát triển bền vững, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quản lý chất thải và chất thải nguy hại. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, học phần bước đầu còn trang bị cho sinh viên một số kỹ năng phát hiện, tư vấn và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống, khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế.

Luật học so sánh – 02 tín chỉ

Luật học so sánh là học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hệ thống pháp luật nước ngoài, từ đó phân tích, vận dụng và so sánh các hệ thống quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, nguồn gốc, sự hình thành và sự ảnh hưởng của các nguồn luật khác nhau.

Môn học được xây dựng gồm những nội dung: Khái quát và vai trò của luật so sánh; Một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài; Các hệ thống pháp luật thế giới chủ yếu; Pháp luật Anh; Pháp luật nước Pháp; Pháp luật hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng – 02 tín chỉ

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là môn học cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án.

Môn học được thiết kế giảng dạy bao gồm những nội dung: Khái quát về kỹ năng giải quyết tranh chấp trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Kỹ năng giải quyết tranh chấp bằng thương lượng; Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bằng hình thức hoà giải; Kỹ năng giải quyết tranh chấp tại trọng tài; Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại Toà án.

Luật tài chính – 03 tín chỉ

Học phần luật tài chính được thiết kế là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật về tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Qua môn học này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.

Luật thương mại quốc tế - 02 tín chỉ; Luật thương mại 2

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế, gồm 4 nhóm nội dung cơ bản: Các vấn đề có tính lý luận về luật thương mại quốc tế; Các quy định nền tảng của WTO về các lĩnh vực thương mại hàng hoá, dịch vụ, sở hữu trí tuệ và đầu tư có liên quan đến thương mại; Các vấn đề lý luận pháp lý và thực tiễn về những giao dịch hợp đồng thương mại quốc tế quan trọng, như hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng vận tải quốc tế, hợp đồng bảo hiểm quốc tế, hợp đồng chuyển giao công nghệ quốc tế. Đồng thời cũng cung cấp các kiến thức cần thiết về những vấn đề như thanh toán, tín dụng quốc tế, thương mại điện tử quốc tế; Các vấn đề lý luận và thực tiễn về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế như thương lượng, hoà giải, trọng tài, toà án.

Luật tổ tụng hành chính – 02 tín chỉ

Luật hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật dân sự 2; Luật thương mại 2

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp các khía cạnh pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại.

Pháp luật về thu hồi đất – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật đất đai

Pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là môn học tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là môn học chuyên ngành nhằm cung cấp kiến thức pháp lý chuyên sâu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Môn học cung cấp cho người học những quy định của pháp luật Việt Nam về đối tượng, phạm vi và điều kiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

các quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và phương thức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đặc biệt môn học cung cấp những vấn đề pháp lý chuyên sâu về bồi thường đất và tài sản trên đất; chính sách hỗ trợ và tái định cư đối với người có đất bị thu hồi. Môn học trang bị cho người học một số kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi và kỹ năng giải quyết một số vụ việc phát sinh trong thực tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Luật kinh doanh bất động sản – 02 tín chỉ

Pháp luật kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là môn học chuyên ngành nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản.

Môn học cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật đất đai

Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là môn học mang tính ứng dụng cao. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai.

- Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế.

- Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế từ đơn giản đến phức tạp.

Pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài – 02 tín chỉ

Môn học Pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp này trong hoạt động thương mại của các thương nhân, tại một số các tổ chức trọng tài thương mại quốc tế có uy tín trên thế giới.

Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật môi trường.

Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường là môn học cung cấp những

kiến thức và các kỹ năng để các chủ thể tham gia xử lý các xung đột môi trường. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết các xung đột trong các lĩnh vực môi trường cụ thể như đất đai, khoáng sản, sử dụng tài nguyên nước, bồi thường do hành vi gây ô nhiễm.

Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức thực tiễn và kỹ năng cho các chủ thể trong quan hệ giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng như các phương thức giải quyết tranh chấp, kỹ năng tiếp nhận, nghiên cứu xử lý hồ sơ; các kỹ năng xử lý giải quyết tranh chấp.

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại – 02 tín chỉ

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại. Học phần tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án.

Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật ngân hàng

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng tư vấn pháp luật trong việc thành lập và hoạt động của các định chế tài chính trong nước hay có vốn đầu tư nước ngoài; Tư vấn việc đầu tư vào các quỹ tài chính; Cung cấp tư vấn pháp lý và ý kiến chuyên môn về các khoản vay ngân hàng bao gồm cả cho vay hợp vốn, chuẩn bị và xem xét các thỏa thuận hợp đồng; đăng ký giao dịch bảo đảm, đánh giá khung pháp lý và rủi ro tài chính cho các tài trợ dự án.

Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh - 02 tín chỉ

Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động xử lý vụ việc cạnh tranh. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc cạnh tranh ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh từ thụ lý hồ sơ khiếu nại, điều tra, ra quyết định xử lý, miễn trừ và giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng – 02 tín chỉ

Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Học phần Luật bảo vệ người tiêu dùng nghiên cứu 5 nội dung sau:

(1) Những vấn đề lý luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu

dùng; (2) Các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

(3) Trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng;

(4) Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng;

(5) Phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân.

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực lao động – 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật lao động

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực lao động là học phần pháp lý ứng dụng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải quyết vụ án lao động. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cũng như kỹ năng về giải quyết vụ án lao động như kỹ năng khởi kiện, thụ lý vụ án lao động, kỹ năng chuẩn bị xét xử vụ án lao động (như kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng thu thập chứng cứ và kỹ năng hòa giải), kỹ năng giải quyết vụ án lao động tại phiên tòa sơ thẩm phiên tòa sơ thẩm, kỹ năng quyết vụ án lao động ở cấp phúc thẩm và kỹ năng giải quyết vụ án lao động ở cấp giám đốc thẩm và tái thẩm.

Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử - 02 tín chỉ

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng tư vấn các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử như: Tư vấn về điều kiện tiến hành kinh doanh thương mại điện tử; các phương thức kinh doanh thương mại điện tử; thực hiện tổ chức kinh doanh trên mạng Internet, sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet, khai thác thông tin, đối tác, mở rộng thị trường kinh doanh, thực hiện các giao dịch thương mại điện tử; cung cấp thông tin, giới thiệu sản phẩm, doanh nghiệp với người mua trong nước và trên thế giới.

Pháp luật về thương mại điện tử - 02 tín chỉ

Môn học pháp luật về thương mại điện tử cung cấp các kiến thức về: Thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử; Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử; An ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử; . Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong giao dịch điện tử

Kỹ năng tư vấn pháp luật về thuế - 02 tín chỉ; Môn học trước: Luật tài chính

Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế là cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ các qui định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế

Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)

- Tất cả các sinh viên phải thực tập tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn thực tập của một người làm công tác thực tiễn pháp luật. Sau khi kết thúc thực tập sinh viên phải nộp nhận xét của cơ

quan thực tập và một bài báo cáo về quá trình thực tập tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số môn học chuyên môn (6 tín chỉ)

- Những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường thì có thể lựa chọn thực hiện một đề tài khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của một giảng viên hoặc học ba (03) môn tự chọn để thay thế cho việc làm khóa luận tốt nghiệp.

- Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 03 (ba) môn tự chọn thay thế.

11. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

HỌC KỲ I

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|---|--|-------------------|-------------------------|
| Học phần bắt buộc | | 12 | |
| 1 | Triết học Mác Lê Nin | 2 | |
| 2 | Tin học căn bản | 3 | |
| 3 | Anh văn căn bản 1 | 3 | |
| 4 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1 | 2 | |
| 5 | *Giáo dục thể chất 1 | 1 | |
| 6 | *Giáo dục quốc phòng - an ninh | 8 | |
| 7 | Nghề luật và phương pháp học luật | 2 | |
| Học phần tự chọn | | 2 | |
| 1 | Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh | 2 | |
| 2 | Logic học đại cương | 2 | |
| 3 | Tâm lý học đại cương | 2 | |
| Tổng (chưa bao gồm GDQPAN và GDTC) | | 14 | |

HỌC KỲ II

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|
| Học phần bắt buộc | | 16 | |

| | | | |
|----------------------------------|--|-----------|--|
| 1 | Kinh tế chính trị | 2 | |
| 2 | Anh văn căn bản 2 | 3 | |
| 3 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 2 | 3 | |
| 4 | Xã hội học pháp luật | 3 | |
| 5 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 1 | |
| 6 | Kinh tế vi mô | 2 | |
| 7 | Kinh tế vĩ mô | 2 | |
| 8 | * Giáo dục thể chất 2 | 1 | |
| Học phần tự chọn | | 2 | |
| 1 | Nguyên lý kế toán | 2 | |
| 2 | Quản trị học | 2 | |
| 3 | Tài chính doanh nghiệp | 2 | |
| Tổng (không bao gồm GDTC) | | 18 | |

HỌC KỲ III

| TT | Tên học phần | Tổng số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|---------------------------------|----------------------|-----------------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 14 | |
| 1 | Tư tưởng HCM | 2 | |
| 2 | Luật hiến pháp | 3 | |
| 3 | Luật dân sự 1 | 3 | |
| 4 | Luật hành chính | 3 | |
| 5 | Luật thương mại 1 | 3 | |
| 6 | *Giáo dục thể chất 3 | 1 | |
| Học phần tự chọn | | 4 | |
| 1 | Luật so sánh | 2 | |
| 2 | Luật hình sự 1 | 2 | |
| Tổng (chưa bao gồm GDTC) | | 18 | |

HỌC KỶ IV

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|--------------------------------------|------------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 12 | |
| 1 | Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam | 3 | |
| 2 | Luật thương mại 2 | 3 | |
| 3 | Luật dân sự 2 | 3 | |
| 4 | Luật lao động 1 | 3 | |
| Học phần tự chọn | | 6 | |
| 1 | Luật hình sự 2 | 3 | |
| 2 | Luật hôn nhân gia đình | 2 | |
| 3 | Xây dựng văn bản pháp luật | 2 | |
| 4 | Pháp luật cộng đồng ASEAN | 2 | |
| Tổng | | 18 | |

HỌC KỶ V

| TT | Tên học phần | Tổng số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|--------------------------------|-----------------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 11 | |
| 1 | Luật lao động 2 | 2 | |
| 2 | Luật tài chính | 3 | |
| 3 | Luật đất đai | 3 | |
| 4 | Luật ngân hàng | 3 | |
| Học phần tự chọn | | 8 | |
| 1 | Công pháp quốc tế | 2 | |
| 2 | Pháp luật về giao dịch bảo đảm | 2 | |
| 3 | Tư pháp quốc tế | 2 | |
| 4 | Luật chứng khoán | 2 | |

| | | | |
|-------------|--------------------------|-----------|--|
| 5 | Pháp luật về thu hồi đất | 2 | |
| Tổng | | 19 | |

HỌC KỶ VI

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|---|------------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 11 | |
| 1 | Luật tổ tụng hành chính | 2 | |
| 2 | Luật tổ tụng dân sự | 3 | |
| 3 | Luật môi trường | 3 | |
| 4 | Pháp luật an sinh xã hội | 3 | |
| Học phần tự chọn | | 8 | |
| 1 | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai | 2 | |
| 2 | Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại | 2 | |
| 3 | Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế | 2 | |
| 4 | Kỹ năng tư vấn pháp luật về lao động | 2 | |
| 5 | Kỹ năng tư vấn pháp luật về doanh nghiệp | 2 | |
| 6 | Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường | 2 | |
| Tổng | | 19 | |

HỌC KỶ VII

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|------------------------------|------------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 9 | |
| 1 | Luật cạnh tranh | 3 | |
| Học phần tự chọn | | 14 | |
| 1 | Luật kinh doanh bất động sản | 2 | |

| | | | |
|-------------|--|-----------|--|
| 2 | Luật đầu tư | 2 | |
| 3 | Hợp đồng trong hoạt động thương mại | 2 | |
| 4 | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại | 2 | |
| 5 | Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 2 | |
| 6 | Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh | 2 | |
| 7 | Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng | 2 | |
| 8 | Pháp luật về thương mại điện tử | 2 | |
| Tổng | | 17 | |

HỌC KỲ VIII

| TT | Tên học phần | Tổng số | Đơn vị thực hiện |
|--------------------------|--|-----------|------------------|
| Học phần bắt buộc | | 8 | |
| 1 | Luật sở hữu trí tuệ | 2 | |
| 2 | Luật thương mại quốc tế | 2 | |
| 2 | Thực tập cuối khóa | 4 | |
| Học phần tự chọn | | 6 | |
| 1 | Luật thương mại quốc tế | 2 | |
| 2 | Khóa luận tốt nghiệp (LKT-ĐH) | 6 | |
| 2 | Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng làm khóa luận tốt nghiệp thì đăng ký học và thi các môn sau đây: | | |
| | Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 2 | |
| | Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử | 2 | |
| | Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài | 2 | |
| Tổng | | 14 | |

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Trường và lưu tại văn phòng Khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo.

- Phân công giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan đến học phần) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

12.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

12.3. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Chủ động, tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

12.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập.

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản; Phòng thực hành pháp luật phục vụ cho việc tổ chức các phiên tòa giả định, tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề về pháp luật; Trung tâm tư vấn pháp luật phục vụ cho sinh viên thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật .

Hiệu Trưởng

Trưởng Phòng Đào tạo

Trưởng Khoa